

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYỀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/12/2017.
V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Thuật.
2. Ông Phạm Văn Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Khích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Y**, sinh năm 1975; HKTT: Thôn K, xã H, huyện P, thành phố H (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1972; HKTT: Thôn K, xã H, huyện P, thành phố H (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 23/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị Y trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Vũ Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/11/1997 tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn K, xã H, huyện P. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T hay uống rượu sau đó về nhà say

rồi đánh chửi vợ con, đập phá đồ đạc, rất nhiều hàng xóm và các con chứng kiến. Tuy nhiên gần chục năm trở lại đây thì mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu vẫn do anh T thường xuyên uống rượu dẫn đến những hành động đánh đập vợ con, đập phá đồ đạc. Anh T đánh chửi chị trong nhà, chị chạy sang hàng xóm trốn thì anh T đuổi theo sang hàng xóm đánh chửi bên hàng xóm. Chị thường xuyên phải trả nợ rượu cho chồng, có những lần người bán rượu còn đến tận nhà đòi tiền. Từ tháng 5/2017, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, trong thời gian này chị đi làm thì anh T tìm gặp chị ở chỗ làm và đánh chị đã ba lần rồi. Thời gian vợ chồng ly thân anh Tấn có đến nhà mẹ đẻ chị gọi chị về nhưng chị không về thì anh dọa chặt chân, cắt tai, rồi chỉ cho chị sống mấy ngày nữa. Anh T say rượu không làm chủ được hành vi, khi chị ở nhà chị gái chị thì anh T cầm dao đến nhà chị gái chị dọa giết chị gái chị và con gái của anh chị. Nhiều đêm anh T đánh chị, hai đứa con gần thì anh T cầm dao dọa đứa nào gần thì xiên chết, đâm lòi ruột. Có lần anh T còn cầm cái điều cày đập ngang thắt lưng chị. Anh T thường xuyên đánh đập chị kể cả lúc say hay lúc không say.

Do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được nên chị tha thiết đề nghị Tòa án cho ly hôn anh T.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Thị H sinh ngày 28/01/1999 và cháu Vũ Đức H sinh ngày 05/10/2001. Ly hôn chị đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi nào khác, còn cháu H đã trưởng thành phát triển bình thường nên chị không đề nghị Tòa xét

Tài sản chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng chị không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn T trình bày như sau:

Anh xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn như chị Y khai là đúng. Anh không chấp nhận ly hôn vì vợ chồng đã sống với nhau lâu. Khi vợ chồng mâu thuẫn anh có tát vợ chứ không đánh đập dã man như vợ anh khai. Anh không nợ tiền rượu để chị Y phải đi trả như chị Y khai. Tháng 5/2017 chị Y tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, anh có đến khoảng ba lần để gọi vợ về, chị Y không nói năng gì, thì anh đi về. Khi nóng giận quá gặp chị Y ở ngoài đường anh có chửi chị Y chứ không đánh. Anh không nhất trí với những lời khai về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Y. Anh thừa nhận chị Y làm đơn ly hôn là có lý do, vì anh uống rượu chị Y không đồng ý.

Hiện nay chị Y làm đơn ly hôn anh chưa nhất trí ly hôn vì con cái lớn rồi, vợ chồng có tuổi rồi nên chưa nhất trí ly hôn. Nếu chị Y kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Thị H sinh ngày 28/01/1999 và cháu Vũ Đức H sinh ngày 05/10/2001. Ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và đề nghị chị Y cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/1 tháng đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi nào khác, còn cháu H đã trưởng thành phát triển bình thường nên anh không đề nghị Tòa xét

Tài sản chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng anh không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương, thôn, xã nơi vợ chồng anh chị cư trú thì mâu thuẫn giữa chị Y, anh T đã đến mức trầm trọng, khiến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân chỉ còn là hình thức. Việc giải quyết cho hai anh chị ly hôn là để giải phóng cho cả đôi bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà. Bị đơn nhiều lần không có mặt khi được triệu tập, chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Y. Cho chị Y được ly hôn anh Tấn.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Đức H sinh ngày 05/10/2001 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/1 tháng (một triệu đồng/1 tháng) đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Chị Y có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Cháu H đã trưởng thành phát triển bình thường nên anh chị không đề nghị Tòa án xét nên không xét.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện P, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vũ Văn T đã có lời khai tại Tòa án và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Lê Thị Y và anh Vũ Văn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh H (Nay là Thành phố H) ngày 07/11/1997 (Giấy chứng nhận kết hôn số 34), quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng anh chị đã có biểu hiện rạn nứt, anh chị đã cố gắng để hàn gắn nhưng không có kết quả mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sự trình bày của hai bên khác nhau về thời điểm phát sinh, nguyên nhân, biểu hiện và mức độ của mâu thuẫn. Song rõ ràng qua lời trình bày và quan điểm của anh chị cho thấy hai bên không tìm được tiếng nói chung và luôn lý giải khác biệt nhau về cùng một vấn đề. Điều đó chứng tỏ anh chị có sự bất đồng lớn về quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017, không còn quan hệ tình cảm lẫn kinh tế. Chỉ có thể lý giải những hiện tượng này trên cơ sở những đổ vỡ từ thực tế cuộc hôn nhân và tình cảm của anh chị chứ không thể đổ lỗi cho một bên được, mặc dù anh T cũng thừa nhận để đến mức chị Y xin ly hôn cũng do lỗi của anh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Thị H, sinh ngày 28/01/1999 và cháu Vũ Đức H sinh ngày 05/10/2001. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận: giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị Y cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng (một triệu đồng/1 tháng) đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, còn cháu H đã trưởng thành, phát triển bình thường, anh chị không đề nghị Tòa xét nên Tòa án không xét.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hàng tháng chị Y không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì chị Y còn phải trả cho anh T khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về tài sản chung: Chị Y anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về công nợ: Chị Y anh T xác nhận vợ chồng không vay mượn ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét, nếu sau khi ly hôn có tổ chức, cá nhân nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì chị Y chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp. Chị Y anh T thỏa thuận được với nhau về việc giao nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con trước khi mở phiên tòa do đó chị Y còn phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Y được ly hôn anh Vũ Văn T.
2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Thị H, sinh ngày 28/01/1999 và cháu Vũ Đức H, sinh ngày 05/10/2001. Ghi nhận thỏa thuận của chị Y anh T: Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị Y có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng, từ tháng 12/2017 đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi, phát triển bình thường, chị Y, anh T không đề nghị Tòa án xét nên Tòa án không xét.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hàng tháng chị Y không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì chị Y còn phải trả cho anh T khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Chị Y anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét,

Về công nợ chung: Chị Y anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Y phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AE/2010/0004871 ngày 30/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Chị Y còn phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THA huyện P;
- UBND xã H, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Nguyễn Trí Tuyền